

Phụ lục VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở
Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH

Số: 303 /ICDLB – HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

- Mã chứng khoán: **ILB**
- Địa chỉ: **Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai**
- Điện thoại liên hệ: 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
- Email: tuannq@icdlongbinh.com.vn
- Người công bố thông tin: Phan Anh Tuấn, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.

2. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2022 tại đường dẫn: <https://icdlongbinh.com/quanhecodong/category/144>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn



**TAN CANG
LONG BINH ICD**

TRUST IS ALL

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH**

Đồng Nai, tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình
Năm báo cáo: 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3601033213 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008, cập nhật thay đổi lần 8 ngày 25/11/2021.
- Vốn điều lệ: 245.022.450.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 472.212.108.055 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 02516 255 999
- Số fax: 02516 501 826
- Website: www.icdlongbinh.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): ILB, Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):
 - + Ngày 7/8/2008, thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình thực hiện dự án đầu tư cảng ICD Tân Cảng Long Bình thuộc khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, hoạt động trong lĩnh vực kho, bãi, dịch vụ cảng ICD, các dịch vụ giá trị gia tăng khác trong lĩnh vực giao nhận nhằm cung ứng một chuỗi logistics cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập hàng hóa thông qua cảng ICD Tân Cảng Long Bình. Vốn điều lệ là 150 tỷ.
 - + Ngày 27/7/2009, thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa tại Đồng Nai với diện tích 77,958ha theo Quyết định số 1794/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính.
 - + Ngày 15/09/2009, thành lập và đi vào hoạt động kho ngoại quan số 1 diện tích 9.000m² theo quyết định số 1815/QĐ-TCHQ của Tổng cục hải quan.
 - + Ngày 10/03/2010, khai trương điểm kiểm hóa tập trung tại ICD Tân Cảng Long Bình theo Quyết định số 206/QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan.

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng.

+ Ngày 27/4/2015: mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại Đồng Nai với diện tích 25ha theo Quyết định số 1278/QĐ-TCHQ của Tổng cục hải quan.

Tổng diện tích ICD sau khi mở rộng: 105ha.

+ Tháng 12/2015: đưa kho số 20 diện tích 32.400m² đi vào hoạt động.

+ Tháng 03/2016: đưa Trung tâm phân phối Neslte khu vực phía Nam, với diện tích là 19.600m² kho, là trung tâm phân phối các sản phẩm của Tập đoàn Neslte Việt Nam tại khu vực phía Nam, sử dụng hệ thống craking bán tự động và ứng dụng CNTT trong hoạt động điều hành kho bãi.

+ Tháng 12/2017: tiếp nhận cơ sở hạ tầng 76ha tại Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, giai đoạn 2, mục tiêu xây dựng trung tâm phân phối nguyên nhiên liệu và các sản phẩm từ gỗ.

+ Tháng 09/2018: tăng vốn điều lệ từ 187.000.000.000 đồng lên 245.022.450.000 đồng.

+ Tháng 05/2019: Cổ phiếu công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình với số lượng chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán TPHCM (HOSE).

+ Tháng 01/2021: Khai trương Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại ICD Long Bình.

+ Ngày 31/05/2021: Công ty được chấp thuận chủ trương chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình thành cảng cạn theo Công văn số 4978/BGTVT-KHĐT của Bộ Giao thông Vận tải.

- Các sự kiện khác: không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ logistics; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container; Các dịch vụ hỗ trợ vận tải, logistics khác.

- Địa bàn kinh doanh: Long Bình, Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

+ Trong năm 2021 ICD Long Bình bao gồm 04 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách và 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có sự thay đổi nhân sự. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm 2 thành viên

HĐQT là ông Phạm Duy Tân, bà Hoàng Thị Hiền và bầu bổ sung 1 thành viên
HĐQT là ông Phạm Văn Phòng kể từ ngày 20/04/2021.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Trần Triệu Phú	Chủ tịch HĐQT	20/04/2018		Ông Phú giữ chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 29/04/2020
2	Phan Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	12/06/2020		
3	Cao Ngọc Đức	Thành viên HĐQT độc lập	12/06/2020		
4	Phạm Văn Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	20/04/2021		
5	Phạm Duy Tân	Thành viên HĐQT không điều hành	20/04/2018	20/04/2021	
6	Hoàng Thị Hiền	Thành viên HĐQT không điều hành	20/04/2018	20/04/2021	

Số thành viên HĐQT làm việc trực tiếp tại Công ty là 02 người, số thành viên HĐQT không làm việc trực tiếp tại Công ty là 02 người. Cơ cấu HĐQT đảm bảo có 1/3 thành viên HĐQT không điều hành và có 1 thành viên HĐQT độc lập theo quy định đối với công ty niêm yết.

+ Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty để bảo đảm hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, là kênh thông tin trao đổi giữa cổ đông và Hội đồng quản trị.

Thay đổi trong năm: không phát sinh

+ Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên trong đó có 1 đ/c Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Đức Khiêm	Trưởng ban	12/06/2020	Tài chính kế toán
2	Trần Nghĩa Sĩ	TV	20/04/2018	Cử nhân Tài chính kế toán
3	Thái Hoàng Lam	TV	20/04/2021	Kiến trúc sư

Thay đổi trong năm: Bầu bổ sung ông Thái Hoàng Lam.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và 02 phó Giám đốc, cụ thể:

STT	Chức vụ	Họ tên	Nhiệm vụ
1	Giám đốc	Phan Anh Tuấn	Là người điều hành hoạt động hàng ngày của ICD và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2	Phó giám đốc	Đoàn Thị Hằng	Là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.
3	Phó giám đốc	Nguyễn Thành Nhân	

Thay đổi trong năm: Miễn nhiệm ông Đoàn Hồng Phương, và bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Nhân.

+ Cơ cấu tổ chức: không thay đổi so với năm 2020

STT	Bộ phận chức năng
1	Phòng Tổ chức hành chính
2	Phòng Tài chính kế toán
3	Phòng Kế hoạch kinh doanh
4	Khu kho hàng
5	Phòng điều độ
6	Phòng cơ giới xếp dỡ
7	Phòng kỹ thuật công trình
8	Trung tâm an ninh

- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÀNH LONG

Địa chỉ: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ kho bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng kết nối với dịch vụ kho, bãi.

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ vốn góp của ICDLB: 51% vốn điều lệ.

+ Công ty liên kết: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ICD TÂN LONG

Địa chỉ: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ vốn góp của ICDLB: 8% vốn điều lệ.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Vì Khách hàng: với phương châm kinh doanh “*Niềm tin là tất cả. Chất lượng hàng đầu, lợi nhuận đi đôi*”, ICD Tân Cảng Long Bình luôn cung cấp dịch vụ hoàn hảo và gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng (VAS), luôn đồng hành cùng khách hàng, hợp tác cùng phát triển, nâng cao chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng và phong phú.
- Vì Nhân viên: môi trường làm việc thân thiện, công bằng và đời sống ngày càng nâng cao.
- Vì Cổ đông: tốt đa hóa lợi nhuận cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi; giữ vị thế là đơn vị có quy mô dịch vụ về kho bãi cung ứng lớn nhất khu vực Đồng Nai; Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu. Đến năm 2025, tổng diện tích kho hàng đạt khoảng 650,000 m²; Trong đó có 4,000 m² kho mát mới trong giai đoạn 2021 - 2023, trong điều kiện thuận lợi đạt 10,000 m² tới năm 2025; 14,400 m² kho hóa chất mới tới năm 2025; tỉ lệ phủ kín kho trung bình 95%.

Khai thác hiệu quả dịch vụ container; phấn đấu sản lượng container thông qua ICD đạt trung bình 100,000 teus mỗi năm từ năm 2025. Đưa ICD trở thành cánh tay nối dài của các cảng hệ thống SNP.

Tỉ lệ tham gia khai thác dịch vụ, cung ứng cho đối tác đạt trên 80% về số lượng, trong đó quản lý 100% cho khách hàng đạt tỷ lệ 50%.

- Ứng dụng công nghệ trong khai thác, nâng cao NSLĐ, giảm chi phí dịch vụ cho khách hàng để gia tăng sức cạnh tranh trong ngành. Từng bước gia tăng sức chứa, phục vụ một số ngành hàng có tính đặc thù cần hệ thống giá kệ và tùy biến theo nhu cầu khách hàng tại từng thời điểm.
 - Khai thác hiệu quả dịch vụ container; phân đầu sản lượng container thông qua ICD đạt trung bình 100,000teus mỗi năm từ năm 2025. Đưa ICD trở thành cánh tay nối dài của các cảng hệ thống SNP.
 - Chất lượng dịch vụ: an toàn, trung thực, minh bạch, liên tục cải tiến công nghệ và hạ tầng phục vụ KH như các phần mềm CNTT: WMS (quản lý kho), CMS (quản lý bãi và khai thác container) và TOPO (hệ thống container cảng) và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015. Ứng dụng công nghệ trong khai thác, nâng cao NSLĐ, giảm chi phí dịch vụ cho khách hàng để gia tăng sức cạnh tranh trong ngành. Từng bước gia tăng sức chứa, phục vụ một số ngành hàng có tính đặc thù cần hệ thống giá kệ và tùy biến theo nhu cầu khách hàng tại từng thời điểm.
 - Chất lượng nhân viên: liên tục đào tạo nâng cao về nghiệp vụ và tâm huyết cùng với sự phát triển của công ty, chuyển đổi số trong công tác quản trị phát triển nguồn nhân lực. Nhân sự là vị trí trung tâm trong việc thực hiện các chiến lược, tầm nhìn trung và dài hạn của công ty.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
- Ý thức được rằng hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích kinh tế phải đi đôi với ý thức cao trong trách nhiệm cộng đồng, ICD luôn tham gia hoạt động xã hội và các phong trào do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng Hải quân và Bộ Quốc Phòng tổ chức.
 - Thực hiện trích ngày lương doanh nghiệp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ xã hội từ thiện các chương trình dân vận của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng hải quân và Bộ Quốc Phòng
 - Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”, “Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương trên địa bàn đóng quân, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác dân vận trên địa bàn phường Phước Tân và phường Long Bình.
 - Tham gia công tác dân vận, đồng hành cùng với địa phương trong phòng chống dịch Covid – 19 trên địa bàn đóng quân bao gồm nhiều hoạt động: ủng hộ hiện vật và tiền mặt, hỗ trợ phương tiện, nhiên liệu cho chính quyền.

Kết quả: UBND TP. Biên Hòa và Bộ Quốc phòng khen thưởng Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid - 19.

- Phối kết hợp với các lực lượng quân đội trên địa bàn bảo đảm công tác an ninh, dân vận và gắn liền với cộng đồng, vì sự bình yên của cộng đồng cũng như cụ thể hóa chính sách đại đoàn kết toàn dân, mối quan hệ gắn kết giữa quân và dân.
- Tất cả các hoạt động cộng đồng đều trích từ nguồn quỹ phúc lợi của công ty với mục tiêu cùng với địa bàn đóng quân chung tay, chung sức đồng lòng vì một xã hội tiến bộ và tốt đẹp.

5. Các rủi ro

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô: sự tăng trưởng/suy giảm của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đều tác động, ảnh hưởng của các chính sách thương mại của các quốc gia lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Tây Âu... ngày càng rõ nét và dịch Covid – 19 ảnh hưởng đến hoạt động trong công ty.
- Rủi ro chính sách: chính sách điều hành của Chính phủ, các Bộ/ngành liên quan như Bộ Công Thương, Bộ giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan... về hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ logistics ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra còn ảnh hưởng đến chính sách của chính quyền địa phương cũng ảnh hưởng đến hoạt động công ty thông qua quy hoạch, đầu tư, phòng cháy chữa cháy, môi trường và đặc biệt các chính sách liên quan đến giao thông (thông qua chính sách hạn chế giờ, tắt nghẽn các tuyến quanh công ty; sự kết nối các tuyến đường) ảnh hưởng lớn đến hoạt động của công ty.
- Rủi ro về pháp lý: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, hệ thống quy định pháp luật quân đội; ngoài ra còn các pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp: Luật phòng cháy chữa cháy, Luật bảo vệ môi trường, Luật hải quan, Luật quản lý ngoại thương.... Bất kỳ sự thay đổi về pháp luật luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh.

Ngoài ra Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế như chính sách thuế quan, chính sách hạn ngạch. Trong hoạt động xuất nhập khẩu, rủi ro pháp lý mà các doanh nghiệp khó lường trước được hay việc ban hành các văn bản cấm nhập hay cấm xuất một mặt hàng nào đó, nước này tẩy chay hàng hoá của nước kia quy định phong tỏa, cấm vận hoặc trả đũa thương mại đối với mặt hàng của doanh nghiệp xuất khẩu.

- Rủi ro lãi suất: lãi suất là một yếu rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, do Công ty vẫn sử dụng đòn bẩy tài chính. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.
- Rủi ro hoạt động: hoạt động chính của Công ty là kho bãi và giao nhận, nên chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường. Và Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá và dịch vụ giữa các cảng trong khu vực Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh là trở ngại cho hoạt động dịch vụ logistics của công ty.
- Rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, dịch họa, Do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu có xảy ra gây thiệt hại cho người, tài sản và tình hình kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

Công ty thường xuyên nắm bắt tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, thời tiết.... để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, tham gia mua bảo hiểm hàng hóa, tài sản cho Công ty, đối tác, khách hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021		
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	+/- % so với cùng kỳ	% so với KH
Vốn điều lệ	245.022,45	245.022,45	245.022,45	100,00%	100,00%
Tổng doanh thu	437.811,21	484.559,45	518.936,69	118,53%	107,09%
Tổng chi phí	362.253,83	403.921,79	432.569,97	119,41%	107,09%
Tổng LN trước thuế	75.557,38	80.637,66	86.366,72	114,31%	107,10%
Tổng LN sau thuế	60.990,72	65.243,91	69.373,79	113,74%	106,33%

CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021		
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	+/- % so với cùng kỳ	% so với KH
Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	24,89%	26,63%	28,31%	113,75%	106,32%
Cổ tức dự kiến chia	15,00%	15,00%	15%	100,00%	100,00%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Năm 2021, do tác động của đại dịch Covid-19, mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội đều bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Đặc biệt, đợt bùng phát dịch lần thứ 4 đã tác động lớn đến khu vực kinh tế trọng điểm phía nam bao gồm các doanh nghiệp tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương...; trong đó, P. Long Bình, TP. Biên Hòa là điểm đỏ về dịch bệnh trong thời gian dài. Hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, lượng hàng tồn kho, hàng hóa ứ đọng tại hệ thống cảng trong chuỗi cung ứng tăng cao làm gia tăng nhu cầu thuê ngoài về dịch vụ kho bãi để lưu trữ hàng hóa trong thời gian ngắn hạn.

+ Công tác phòng chống dịch Covid-19 tốt, hiệu quả; duy trì được sản xuất thông suốt cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của đại đa số người lao động trong Công ty, ICDLB đã khắc phục mọi khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong năm 2021.

Kết quả cụ thể như sau:

Thứ nhất: Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn, xây dựng và củng cố mối quan hệ tốt đẹp với Chính quyền địa phương, các đơn vị LLVT và cơ quan hữu quan trên địa bàn, nắm bắt tình hình và sẵn sàng xử lý các tình huống khi xảy ra; Đơn vị an toàn về mọi mặt. Góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD.

Thứ hai: Về nhiệm vụ xây dựng quản lý đơn vị, đơn vị đã ban hành đầy đủ các văn bản pháp lý nội bộ theo văn bản pháp luật mới, làm cơ sở để quản trị, điều hành đơn vị theo tinh thần thượng tôn pháp luật, minh bạch và hiệu quả. Triển khai được nhiều ứng dụng CNTT vào quản lý, điều hành đơn vị (Quản lý con người và phương tiện ra/vào cảng, quản lý nhân sự, hệ thống giám sát an ninh kho hàng, bãi hàng, nâng cấp hoàn thiện các phần mềm quản lý kho hàng).

Thứ ba: Về SXKD, mặc dù nằm trong vùng tâm dịch của TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, phải thực hiện giãn cách xã hội ở cấp cao nhất dài ngày, ICDLB đã chủ động khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sớm thực hiện các phương án sản xuất “3 tại chỗ” và thích ứng linh hoạt với tình hình dịch

bệnh, không để sản xuất ngưng trệ và đứt gãy chuỗi cung ứng, đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng, đặc biệt trong thời gian giãn cách.

+ Trong năm đã có thêm nhiều khách hàng sử dụng dịch vụ, duy trì tỉ lệ khai thác kho hàng trung bình trên 97%, có những lúc cao điểm là 99%; 3 hãng tàu mở code tại Long Bình ; Kết nối với SNPL, P.Marketing TCT triển khai dịch vụ Container tuyến Cát Lái – Long Bình. Phát triển thêm nhiều khách hàng mới từ kho với dịch vụ đa dạng.

Thứ tư: Đầu tư CNTT tiếp tục được ưu tiên, có nhiều nội dung được đẩy mạnh và có các kết quả tốt như: ứng dụng quản lý nhân sự, ứng dụng chấm công bằng nhận diện khuôn mặt, kiểm soát an ninh an toàn cảng, camera giám sát bãi, kho hàng, phần mềm kết nối Hải quan, rà soát trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công việc của CBNV...

Kết quả tất cả các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2020.

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Tăng giảm 2021 so với 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Tăng giảm 2021 so với 2020
Tổng doanh thu	437.811	518.937	118,53%	459.881	532.539	115,80%
Lợi nhuận sau thuế	60.991	69.374	113,74%	69.268	76.917	111,04%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Phan Anh Tuấn/ Giám đốc	12/01/1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	29/04/2020
2	Đoàn Thị Hằng/ Phó giám đốc	29/05/1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	02/04/2018
3	Nguyễn Thành Nhân/ Phó giám đốc	10/11/1974	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển	15/07/2021
4	Lê Quỳnh Quang/ Kế toán trưởng	27/03/1982	Thạc sĩ Tài chính kế toán	13/05/2020

(Tính đến 31/12/2021)

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Miễn nhiệm ông Đoàn Hồng Phương, Phó giám đốc.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Nhân làm Phó giám đốc.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có 303 cán bộ, nhân viên (năm 2020 là 313 cán bộ nhân viên).

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách: Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, theo chính sách chung của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ)

- Công ty cam kết đem đến cho bạn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy thách thức. Công ty đã chuẩn hóa các quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, nhịp nhàng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Thường xuyên cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho nhân viên về toàn bộ quy định, quy trình Công ty.

- Điều kiện làm việc: Mỗi cá nhân khi làm việc tại Công ty được xác định rõ phạm vi, khối lượng công việc rõ ràng; được Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng. Các trang thiết bị cá nhân và trang thiết bị phòng ban luôn luôn trong tình trạng hoàn hảo để phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh.

- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 44 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật. Người lao động được nghỉ các ngày Lễ, Tết theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần. Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

- Chính sách lương thưởng bao gồm 12 tháng lương và các khoản thưởng theo kết quả kinh doanh, các khoản thưởng ngày Lễ, Tết. Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty

- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm

đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc, được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chính sách huấn luyện đào tạo, nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho người lao động thực hiện thường xuyên; Chính sách phát triển, cơ hội thăng tiến cho người lao động luôn được đặt lên hàng đầu, và tạo động lực cho người lao động tăng năng suất và đam mê, động lực phấn đấu.
- Chính sách phúc lợi cho Người lao động thông qua bảo hiểm phúc lợi, tham quan du lịch và chính sách nghĩa tình đối với Người lao động và thân nhân người lao động (chính sách chúc thọ, chúc Tết, hiếu, hỉ, trợ cấp khó khăn) và Công ty. Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty.... Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...

Những thay đổi trong năm:

- Đổi mới các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo đó phải xác định rõ mô tả công việc: công việc nào chính, công việc nào phụ, công việc nào cần đòi hỏi chất xám,..., xây dựng mô hình Tháp phát triển nhân sự để từ đó có định hướng đào tạo, sử dụng nhân sự hợp lý, hiệu quả. Song song đó tập trung đào tạo nội bộ để đem lại hiệu quả cao hơn do sự hiểu thấu đáo về môi trường làm việc, nhiệm vụ chuyên môn, quy trình sản xuất.
- Thực hiện đánh giá cấp cán bộ (quản lý Phòng, quản lý Ban, Trưởng kho thuộc một số Phòng) thường xuyên: theo quý/6 tháng, tùy chức danh, áp dụng cho cấp Trưởng ban và Trưởng phòng: Thi trắc nghiệm; Phỏng vấn chuyên môn – tập trung xử lý tình huống với hội đồng là Ban giám đốc và 01 đồng chí chuyên gia (chuyên gia về công tác quản trị điều hành) để đánh giá kỹ năng, thái độ và xử lý tình huống trong thực tế cũng như các giải pháp thực hiện (chương trình hành động) những vấn đề trao đổi trong phỏng vấn
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao (về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, kiến thức pháp lý và tài chính) cho các dự án, các chuỗi logistics phân phối.
- Ứng dụng CNTT trong công tác quản trị nhân sự thông qua hình thức chấm công, quản lý đơn từ người lao động, truyền thông..., mang lại thông tin trực tiếp, minh bạch cho người lao động. Và trong năm 2022 tiến hành ứng dụng số toàn bộ trong công tác quản trị nhân sự (ký số, hợp đồng điện tử, quy trình giao việc, đánh giá nhân sự online...)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

TT	NỘI DUNG	ĐVT KL	DỰ ÁN 2021 ĐƯỢC DUYỆT		THỰC HIỆN NĂM 2021	
			KL	KP	KL	KP
A	B	C	1	2	3	4
I	PHÂN THEO TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ			299.385		65.441
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)			268.939		62.431
1.1	Thi công xây dựng kho số 24 và 25	m2	44.000	268.939,20	44.000	62.431
2	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên t/bị, c/nghệ)			30.445,52		3.010
2.1	Xe nâng container	Cái	1	13.000.00	-	
2.2	Xe nâng kho	Cái	10	10.100.00	-	
2.3	Hệ thống kiểm soát an ninh toàn ICD	Hệ thống	1	7.345,52	1	3.010

Tình hình thực hiện: tập trung thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng 02 kho hàng (24, 25 với diện tích 44.000 m2) tại khu 126ha; Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 268,94 tỷ đồng.

Các dự án kho hàng số 24 đã đưa vào khai thác dần từ 1/3/2022; kho hàng số 25 dự kiến khai thác từ tháng 6/2022;

Hệ thống CNTT: nâng cấp server Công ty và đầu tư Hệ thống camera giám sát an ninh 200 camera đưa vào hoạt động quý 1/2022 nâng tổng số camera trong ICDLB 300 camera đáp ứng phục vụ hoạt động kho, bãi, và hoàn thiện CSHT để đáp ứng yêu cầu của cảng cạn.

Hạng mục xe nâng cont và xe nâng kho chưa thực hiện trong năm 2021 do tình hình dịch Covid – 19 nên việc đàm phán các đối tác nước ngoài bị kéo dài và không thực hiện trong năm. Các hạng mục này chuyển sang 2022 đáp ứng cho các kho hoạt động mới trong năm 2022 và công bố cảng cạn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: CÔNG TY TIẾP VẬN THÀNH LONG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ ba ngày 03 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

Năm 2021: Công ty dự kiến nhận được cổ tức từ ICD Tân Long mức 15%.

+ Công ty liên kết: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ICD TÂN LONG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603419910 ngày 08 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đầu tư vào Công ty CP Đầu tư ICD Tân Long 2.000.000.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.

Năm 2021: Công ty dự kiến nhận được cổ tức từ ICD Tân Long mức 15%.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	261.402.477.395	317.065.093.696
1. Các khoản phải thu	113.684.467.595	163.833.974.118
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.178.086.014.180	1.101.213.634.598
C. NỢ PHẢI TRẢ	996.680.803.176	946.066.620.239
1. Nợ ngắn hạn	307.558.633.897	292.989.694.647
2. Nợ dài hạn	689.122.169.279	653.076.925.592
D. Vốn chủ sở hữu	442.807.688.399	472.212.108.055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	245.022.450.000	245.022.450.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	93.986.186.492	109.466.339.211
E. Tổng tài sản	1.439.488.491.575	1.418.278.728.294
F. Vay và nợ thuê tài chính	371.312.990.308	308.103.787.125
G. Lợi nhuận sau thuế	69.268.439.101	76.916.917.208
H. Lợi nhuận trước thuế	85.837.608.224	95.648.079.323
D. Hiệu quả sử dụng vốn		
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	15,90%	16,81%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,81%	5,42%

Chỉ tiêu tài chính độc lập:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	241.257.021.073	295.529.178.292
1. Các khoản phải thu	110.824.036.854	158.811.099.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.155.622.468.344	1.082.522.229.519
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.003.230.685.501	958.187.542.284
1. Nợ ngắn hạn	301.388.663.191	285.726.831.257
2. Nợ dài hạn	701.842.022.310	672.460.711.027
D. Vốn chủ sở hữu	393.648.803.916	419.863.865.527
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	245.022.450.000	245.022.450.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	91.016.283.335	105.918.212.467
E. Tổng tài sản	1.396.879.489.417	1.378.051.407.811
F. Vay và nợ thuê tài chính	341.712.990.308	287.703.787.125
G. Lợi nhuận sau thuế	60.990.721.688	69.373.787.423
H. Lợi nhuận trước thuế	75.557.376.414	86.366.719.244
D. Hiệu quả sử dụng vốn		
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	15,49%	16,52%
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,28%	5,00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	18,67%	17,96%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	19,70%	20,91%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	15,90%	16,81%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	4,81%	5,42%
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,85	1,08
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,29	2,07
Tỷ trọng vốn vay/tổng nguồn vốn	25,79%	21,72%
Tỷ trọng lãi tiền vay/tổng chi phí	8,80%	5,81%
Tỷ trọng nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu	0,97%	0,88%

Độc lập:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	17,26%	16,64%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	19,45%	21,23%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	15,49%	16,52%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	4,28%	5,00%
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,80	1,03
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,58	2,36
Tỷ trọng vốn vay/tổng nguồn vốn	24,46%	20,88%
Tỷ trọng lãi tiền vay/tổng chi phí	8,30%	5,44%
Tỷ trọng nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu	0,88%	0,82%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 24.502.245 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 24.502.245 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)			Số lượng tổ chức, cá nhân		
			Tổng	Tổ chức	Cá nhân	Tổng	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn	14.450.000	58,97	58,97	0	2	2	0
	<i>Trong nước (*)</i>	<i>14.450.000</i>	<i>58,97</i>	<i>58,97</i>	<i>0</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>0</i>
	<i>Nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
2	Công đoàn	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong nước</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>Nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Cổ đông còn lại	10.052.245	41,03	5,29	35,74	1.604	8	1.596
	<i>Trong nước</i>	<i>10.052.245</i>	<i>41,03</i>	<i>5,29</i>	<i>35,74</i>	<i>1.604</i>	<i>8</i>	<i>1.596</i>
	<i>Nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0	0	0
5	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		24.502.245	100	64,26	35,74	1.606	10	1.596
Trong đó:	<i>Trong nước</i>	<i>24.502.245</i>	<i>100</i>	<i>64,26</i>	<i>35,74</i>	<i>1.606</i>	<i>10</i>	<i>1.596</i>
	<i>Nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

(Tính đến 31/12/2021)

(*) Trong đó Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn/ Quân chủng Hải quân/ Bộ quốc phòng nắm giữ 12.575.000 cổ phiếu tương đương 51,32%/Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không phát sinh thay đổi vốn điều lệ trong năm 2021.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty đặt mục tiêu tối ưu hóa quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững. Với vị thế là chủ đầu tư các dự án xây dựng, đầu tư trang thiết bị, ... để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các nhà thầu xây dựng và cung cấp trang thiết bị,... có các giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.

Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra.

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: chưa phát sinh.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả; phối hợp với sử dụng nguồn điện được sản xuất bởi hệ thống điện năng lượng mặt trời trên mái các nhà kho.

- Chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản trị nhân sự, giảm thiểu giấy tờ, từ đó góp phần trong việc giảm phát thải và lãng phí giấy tờ.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 600.000 l/năm phục vụ cho các xe nâng kho, xe nâng con và máy phát điện.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty chưa phát sinh.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng bình quân: 1.500.000 kwh/tháng; nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt): bình quân 4.000 l/tháng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: thực hiện hệ thống năng lượng mặt trời áp mái kho, đưa vào hoạt động từ 01/01/2021 trên cơ sở hợp tác, cho thuê mái đối với các đơn vị năng lượng sạch; sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, không gây cháy, nổ, không ảnh hưởng đến mái nhà cũng như không gây ảnh hưởng đến công trình khác. Toàn bộ các vật tư thiết bị sử dụng cho công trình đều đảm bảo thân thiện với môi

trường, không gây cháy nổ. Việc hợp tác này góp phần bảo đảm Công ty sử dụng tối ưu và hiệu quả điện năng; hướng đến tiêu chí “cảng xanh, thân thiện với môi trường”, tiết giảm chi phí sử dụng điện, phù hợp chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không phát sinh.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Đồng Nai.

+ Lượng nước bình quân: 14.000 m³/tháng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động tính đến 31/12/2021: 303 lao động

Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2021 đạt 18,05 triệu đồng/người, tăng 5,68% so với năm 2020 (2020: 17,08 triệu đồng/người/tháng)

Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn bảo đảm và tuân thủ

+ Chế độ lương, thưởng căn cứ vào thực hiện sản xuất kinh doanh và hiệu quả, năng lực làm việc của người lao động

+ Chính sách trang bị bảo hộ lao động, đồng phục, áo mưa cho người lao động, và các vật tư y tế trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Bảo đảm cơ sở vật chất (vị trí làm việc, khu cách ly, khu nghỉ ngơi...), hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, CNTT), thu gom vệ sinh... được Kích hoạt theo từng phương án, không bị động cho người lao động trong thời gian thực hiện 3 tại chỗ.

+ Chính sách khám và bảo đảm sức khỏe người lao động thông qua Trung tâm y tế Cảng, thực hiện xét nghiệm, tiêm vaccin cho Người lao động, chăm lo và quan tâm người lao động không may bị nhiễm Covid – 19 (100% Người lao động đều tiêm tối thiểu 2 mũi vaccin). Thực hiện tiêu chuẩn phòng chống dịch

cho Người lao động. Tổ chức chương trình thăm khám, tư vấn sức khỏe, tâm sinh lý cho NLD miễn phí. Đảm bảo NLD có đủ sức khỏe, tâm lý ổn định, giảm stress và đặc biệt là phương án quản lý sức khỏe Người lao động hậu nhiễm Covid

+ Chính sách về tham quan du lịch, các chế độ phúc lợi cho người lao động như trợ cấp ốm đau, thai sản, chế độ hiếu, hỉ luôn duy trì và bảo đảm

+ Chính sách huấn luyện an toàn lao động và PCCN hàng năm, thực hiện định kỳ.

+ Hội thao tay nghề giỏi hàng năm.

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân các ngày lễ và kỷ niệm thành lập công ty.

+ Các hoạt động tình nguyện thanh niên và xung kích, đặc biệt là phối kết hợp với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch Covid-19, chăm lo và thực hiện chính sách cho người dân trên địa bàn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

+ Xây dựng mô hình Tháp phát triển nhân sự để từ đó có định hướng đào tạo, sử dụng nhân sự hợp lý, hiệu quả. Thực hiện công tác đào tạo thường xuyên và theo nhu cầu đăng ký của người lao động bao gồm đào tạo tại chỗ, đào tạo tại STC, đào tạo tại các tổ chức đào tạo có liên kết với Tổng công ty với phương châm “Chuyên sâu, thực chất, chuyên nghiệp và trở thành doanh nghiệp học tập”.

+ Đổi mới các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo đó phải xác định rõ mô tả công việc: công việc nào chính, công việc nào phụ, công việc nào cần đòi hỏi chất xám,...Ngoài ra bổ sung khóa đào tạo kỹ năng tình huống mô phỏng, làm cơ sở cho công tác đánh giá năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ cấp Phòng

+ Thực hiện đánh giá sau đào tạo: giúp việc đào tạo không chỉ thiết thực mà còn tránh lãng phí, thiếu công bằng, là cơ sở đánh giá chất lượng nhân sự đặc biệt là cấp quản lý cấp trung, xác định mức độ thấm thấu kiến thức, xác định được nhân sự có tư tưởng cầu tiến và luôn học hỏi để hoàn thiện; từ đó đưa ra hình thức đào tạo phù hợp: đào tạo tại chỗ, tái đào tạo hoặc đào tạo chuyên sâu cũng như định hướng phát triển nghề nghiệp của người lao động

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Hàng năm Công ty đều tham gia các chương trình từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội như đền ơn đáp nghĩa cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiến máu nhân đạo, ... Trong năm 2021, Công ty, đại diện cho Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn tham gia đóng góp vào Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19 với số tiền 1 tỷ đồng, ủng hộ đóng góp cho các chương trình phòng chống dịch của địa phương trên địa bàn đóng quân với số tiền là 350 triệu đồng.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác: Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”,

“ Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương trên địa bàn đóng quân, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, trên địa bàn phường Phước Tân và phường Long Bình

Nghĩa Vụ Với Ngân Sách Nhà Nước: Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế đất Bộ quốc phòng và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không phát sinh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế thế giới phức tạp và ảnh hưởng vô cùng lớn của đại dịch Covid, nhưng Công ty đã thành công trong việc triển khai quyết liệt nhiều chủ trương giải pháp quản lý điều hành; nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của chính quyền địa phương; đảm bảo an ninh, an toàn đơn vị và an toàn hàng hóa. Hệ thống kho đã khai thác trung bình trên 95% diện tích và thực hiện 100% dịch vụ logistics kho hàng, dịch vụ vận tải, dịch vụ logistics...

Công ty tiếp tục xây dựng kho để tăng nguồn cung diện tích cung ứng và kết nối với hệ thống kho hiện hữu; bảo đảm giữ vững thị phần của ICDLB, thương hiệu Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Kết quả thực hiện: Công ty vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 đề ra trong 1 năm đầy khó khăn, cụ thể:

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Tăng giảm 2021 so với 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Tăng giảm 2021 so với 2020
Tổng doanh thu	437.811	518.937	118,53%	459.881	532.539	115,80%
Lợi nhuận sau thuế	60.991	69.374	113,74%	69.268	76.917	111,04%

- Những tiến độ đạt được:

+ Chuyển đổi 38.9ha điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu chủ trương thành cảng cạn. Trong năm 2022, Công ty thực hiện công bố cảng cạn.

+ Ứng dụng CNTT trong Quản lý con người và phương tiện ra/vào cảng, quản trị nhân sự, hệ thống giám sát an ninh kho hàng, bãi hàng, nâng cấp hoàn thiện các phần mềm quản lý kho hàng.

+ Triển khai lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái kho với tổng công suất là 19MW, giảm thiểu phần thiếu hụt điện năng cho hoạt động kho bãi, đồng thời góp phần góp phần bảo đảm Công ty sử dụng tối ưu và hiệu quả điện năng; hướng đến tiêu chí “cảng xanh, thân thiện với môi trường”, tiết giảm chi phí sử dụng điện, phù hợp chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025.

+ Cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015; kết nối chuỗi logistics kho bãi cảng đem lại nhiều giá trị tiện ích cho khách hàng

+ Phương án phòng chống dịch luôn linh hoạt, chủ động, đi trước 1 bước và Xây dựng các phương án phòng chống dịch Covid-19 phù hợp với từng cấp độ dịch theo thích ứng, linh hoạt; bảo đảm hoạt động kinh doanh liên tục, thông suốt, đem lại sự hài lòng cho khách hàng trong thời gian tình hình dịch cao điểm, phức tạp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2021:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	261,402,477,395	317,065,093,696
Tài sản dài hạn	1,178,086,014,180	1,101,213,634,598
Tổng tài sản	1,439,488,491,575	1,418,278,728,294

Dịch Covid bùng phát năm 2021 dẫn đến việc thực hiện thực hiện các kế hoạch đầu tư không đạt như kế hoạch dẫn đến tổng tài sản năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm 2020

b) Tình hình nợ phải trả

Tại 31/12/2021, nợ phải trả của công ty là 946,07 tỷ đồng (88,13% kế hoạch năm), chiếm 66,71% tổng nguồn vốn và giảm 50,61 tỷ đồng tương đương giảm 5,08% so với thực hiện cùng kỳ 2020.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ cho từng đối tượng theo quy định. Công nợ được quản lý chặt chẽ, thực hiện tốt việc đối chiếu công nợ trước khi khóa sổ BCTC. Công ty hiện không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

c) Các yếu tố chênh lệch tỷ giá, lãi vay

Dịch Covid bùng phát năm 2021 dẫn đến việc thực hiện giải ngân vốn vay không đạt như kế hoạch đề ra cùng với việc hỗ trợ lãi suất cho vay của các ngân hàng theo Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ, chi phí lãi vay giảm 7,52 tỷ tương đương giảm 22,85 % so với thực hiện cùng kỳ 2020.

d) Đánh giá

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Tổng doanh thu năm 2021 đạt 532,54 tỷ đồng, đạt 105,62% so với kế hoạch, tăng 72,66 tỷ đồng tương đương 15,80% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 76,92 tỷ đồng, đạt 106,20% so với kế hoạch, tăng 7,65 tỷ đồng tương đương 11,04% so cùng kỳ năm 2020.

- Tình hình tài chính an toàn, hiệu quả.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	31/12/2021
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	77,64
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		22,36
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,71
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		33,29
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,08
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		2
4	Tỷ suất lợi nhuận	%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ		5,38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu		14,44
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSHBQ		16,81

Trong năm 2021 khả năng thanh toán của đơn vị đảm bảo, thể hiện qua chỉ số thanh toán hiện hành đạt 1,08 lần. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 2 lần. Các chỉ số ROA 5,38 % và ROE 16,81 % đều tăng so với cùng kỳ năm 2020 thể hiện sự tăng trưởng trong hiệu quả sinh lời từ tài sản và nguồn vốn của Công ty.

Công ty chấp hành nghiêm các quy chế, quy định pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt chế độ thu nộp với BQP, ngân sách địa phương.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

+ Đổi mới sắp xếp lại tổ chức biên chế, bao gồm các khối: khối kinh doanh – tài chính, khối vận hành, khối hỗ trợ, bảo đảm; Khối kiểm soát và tuân thủ.

Khối kinh doanh – tài chính: Phòng KHKD, Phòng TCKT

Khối vận hành: Phòng điều độ, Khu kho hàng, Phòng cơ giới

Khối hỗ trợ: Phòng TCHC, Phòng KTCT, TTAN

Khối kiểm soát và tuân thủ: Trưởng ban kiểm soát

Các phòng có chức năng trùng lặp sẽ chuyển giao về tập trung về 1 đầu mối, tạo nên tính chuyên nghiệp và tránh sự mâu thuẫn, chồng chéo trong hoạt động của đơn vị, nhằm đem lại tối ưu hóa các hoạt động trong đơn vị, và có sự luân chuyển, logic và cơ chế kiểm tra, giám sát.

+ Đổi mới công tác quản lý điều hành: giao quyền chủ động cho các Trưởng phòng ban trong công tác quản lý, bố trí, sắp xếp, định biên nhân sự của đơn vị theo hướng 1 nhân viên ngoài công tác chuyên môn chính, đảm nhiệm thêm một số công việc khác phát sinh (mang tính chất không thường xuyên); thực hiện điều động nhân sự từ các Phòng ban này sang đơn vị khác trong thời gian cao điểm của sản xuất (như khối gián tiếp tham gia trực tiếp tại hiện trường), bảo đảm sử dụng hợp lý nhân sự và vẫn bảo đảm chất lượng dịch vụ

+ Đổi mới các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo đó phải xác định rõ mô tả công việc. Chọn lọc và tuyển dụng nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn, quản lý đạt chất lượng cao. Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao (về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, kiến thức pháp lý và tài chính) cho các dự án, các chuỗi logistics phân phối.

+ Từng bước chuyển đổi số qua Ứng dụng CNTT từ khâu quản lý người ra vào cổng, đến công tác nhân sự, công tác điều hành; hệ thống camera giám sát an ninh trong toàn ICDLB.

+ Từng bước chuyển đổi ICD Tân Cảng Long Bình thành cảng cạn.

+ Từng bước thực hiện chính sách cảng xanh, thân thiện với môi trường thông qua lắp đặt hệ thống pin NLMT áp mái, giảm thiểu sử dụng các dụng cụ nhựa.

+ Tính kết nối hệ thống với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và các công ty thành viên ngày càng chuyên nghiệp, chuyên sâu và đáp ứng nhu cầu mong đợi khách hàng dựa trên thế mạnh của mỗi bên trong chuỗi kết nối.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Một là, luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối toàn Công ty, tạo điều kiện cần để ổn định sản xuất kinh doanh. Đầu tư đúng mức cho công tác đảm bảo an ninh an toàn, đặc biệt là kiểm soát ra/vào, và phòng cháy chữa cháy.

Hai là, đảm bảo về chất lượng dịch vụ và đổi mới hoạt động chăm sóc khách hàng. Tiếp tục triển khai từng bước đầu tư các hệ thống công cụ hỗ trợ khai thác dịch vụ như: phương tiện, hệ thống kệ hàng, hệ thống camera an ninh. Công tác chăm sóc khách hàng đi sâu vào từng khách hàng, tạo các kênh kết nối trực tiếp khách hàng với Ban giám đốc Công ty, nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của khách hàng; đặc biệt là vướng mắc về thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của khách hàng tại Công ty. Đối với các dịch vụ mà Công ty chưa thể đáp ứng về giá, năng suất: tìm kiếm đối tác hợp tác để có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn cho khách hàng.

Ba là, duy trì tỉ lệ khai thác phủ kín kho đạt từ 92% trở lên và gia tăng tỉ lệ khai thác dịch vụ trong kho. Hạn chế để khách hàng thuê kho trần.

Bốn là, phát triển dịch vụ container và bãi hàng, khai thác hiệu quả hoạt động kinh doanh logistics. Từng bước xây dựng dịch vụ container thành dịch vụ hỗ trợ cho kho hàng và ngược lại.

Năm là, đầu tư mở rộng diện tích kho hàng, mở rộng quy mô kinh doanh, khai thác hiệu quả đầu tư xây dựng như kế hoạch đầu tư.

Sáu là, tiếp tục đầu tư các ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị, sản xuất kinh doanh, góp phần cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng chất lượng dịch vụ.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* không phát sinh.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):*

+ Công ty thực hiện tốt và bảo đảm các chỉ tiêu môi trường theo quy định pháp luật môi trường. Kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí và kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải cho thấy chất lượng môi trường tại ICD Tân Cảng Long Bình là khá tốt.

+ Công ty tôn trọng các quy định, bảo vệ và kiểm soát môi trường do các cơ quan quản lý quy định trong hoạt động kinh doanh của mình và quyết tâm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình giám sát môi trường.

+ Công ty thực hiện tốt công tác giám sát định kỳ chất lượng môi trường tại cảng, phân loại chất thải rắn từ nguồn, thu gom, vận chuyển và hạn chế tối đa các tác động trong hoạt động sản xuất đến môi trường, duy trì tốt thảm xanh trong khuôn viên ICD, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chiến dịch phát động tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty; thực hiện Chiến dịch "Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần" đơn vị hiện nay đã thay thế các vật dụng nhựa 1 lần dùng trong hội họp như: ly, muỗng, nĩa, ống hút thay vào đó là các vật dụng sử dụng lâu dài

+ Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng. Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty đồng thời thu hút nhân tài

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

+ Về tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực đáp ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện tốt chính sách của TCT, các trường hợp tuyển dụng bảo đảm chuẩn đầu vào của Công ty và phù hợp với sự cần thiết theo nhu cầu công

việc; Đối với các vị trí đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao, Công ty đã tổ chức tuyển dụng rộng rãi, nhằm thu hút nhân sự chất lượng cao đồng thời có chính sách đặc thù dành cho lao động chất lượng cao này. Tập trung ưu tiên cho nhân lực: khối kinh doanh (Sale, CSKH), khối kiểm soát và tuân thủ. Gắn tuyển dụng với kế hoạch kinh doanh, đầu tư.

+ Về xây dựng, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý: xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, có kiến thức pháp lý và tài chính. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình quản trị; hệ thống cảnh báo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, từng người lao động. Xây dựng kênh đối thoại giữa người lao động đối với Công ty.

+ Về công tác huấn luyện đào tạo: Xây dựng các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo thực tiễn, song song đó mở các khóa kỹ năng, văn hóa, thể dục. Thực hiện đánh giá sau đào tạo, đánh giá chất lượng nhân sự quản lý cấp trung, xác định mức độ thâm thấu kiến thức, xác định được nhân sự có tư tưởng cầu tiến và luôn học hỏi để hoàn thiện.

+ Về chế độ đãi ngộ lương thưởng: phù hợp với tình hình Công ty trên cơ sở các chính sách về thu nhập người lao động của Tổng công ty; minh bạch, công khai rõ ràng các chế độ cho người lao động.

- Về thực hiện tiêu chuẩn phòng chống dịch Covid-19 cho Người lao động: bảo đảm các phương tiện phòng chống dịch Covid-19, thực hiện 3 tại chỗ kết hợp 1 cung đường – 2 địa điểm, xét nghiệm và bảo đảm Người lao động tiêm vacxin; thăm khám, tư vấn sức khỏe, tâm sinh lý cho NLĐ miễn phí. Đảm bảo NLĐ có đủ sức khỏe, tâm lý ổn định, giảm stress và đặc biệt là phương án quản lý sức khỏe Người lao động hậu nhiễm Covid.

+ Về hoạt động thể thao, văn hóa: phát triển các hoạt động thể dục thể thao tại Công ty (máy tập thể thao, yoga, thiền online, đạp xe....), khuyến khích người lao động tham gia các sự kiện thể thao cộng đồng, đổi mới hình thức du lịch (bằng các chuyến dã ngoại, leo núi, băng rừng... gắn liền với vận động, sức khỏe) và có chế độ chính sách ưu đãi và hỗ trợ Người lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2021, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Công ty đã có nhiều giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty, đặc biệt các giải pháp kinh doanh và nhiệm vụ bảo đảm an toàn đơn vị trước ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Công ty đã thực hiện mở rộng và cung cấp giải pháp logistics đa dạng cho khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty cũng như kết nối đồng bộ với giải pháp logistics trong toàn hệ thống Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; đồng thời phải chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là cấp quản lý và đội ngũ

chuyên trách cho các dịch vụ kho phân phối (DC) và dịch vụ cảng ICD LB trong năm 2021.

Kết quả Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 thông qua, với chỉ tiêu cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/ giảm
1	Tổng doanh thu	459.880.863.710	532.539.472.009	+15,80%
2	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	85.837.608.224	96.763.021.096	+12,73%
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	69.268.439.101	76.916.917.208	+11,04%

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành

Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty, đặc biệt các giải pháp kinh doanh và nhiệm vụ bảo đảm an toàn đơn vị trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong bảo đảm ổn định và duy trì sự tăng trưởng trong thời gian qua, đặc biệt là đã có sự chủ động trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đáp ứng cho hoạt động Công ty liên tục, không bị gián đoạn trước sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 và kết quả kinh doanh năm 2021 đều vượt so với chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Về công tác quản trị điều hành:

+ Triển khai thực hiện cơ chế hoạt động của Kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP, bảo đảm năm 2022 thực hiện đúng, đầy đủ quy định Kiểm toán nội bộ dành cho công ty niêm yết.

- Về pháp lý hoạt động của Công ty:

+ Thực hiện công bố Cảng cạn Tân Cảng Long Bình

+ Quy hoạch 1/500 của ICD Tân Cảng Long Bình (105ha) và Khu dịch vụ Long Bình

+ Duy trì và bảo đảm tính tuân thủ pháp luật đối với công ty niêm yết theo quy định Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.

+ Rà soát và thực hiện đúng, đủ các quy định đối với thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 13/11/2020 và Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/03/2021.

- Về giải pháp vốn, tài chính:

+ Tái cơ cấu tài chính Công ty đảm bảo an toàn tài chính, đáp ứng vốn lưu động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh;

+ Triển khai phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty;

+ Huy động các nguồn tài trợ có chi phí phù hợp nhằm đạt hiệu quả tốt trong hoạt động đầu tư, hoạt động.

- Về giải pháp kinh doanh:

+ Hoạt động của kho hóa chất của Công ty, đa dạng các loại hình kho.

+ Triển khai toàn diện dịch vụ cảng khi đã công bố cảng cạn.

+ Duy trì tỷ lệ khai thác kho bình quân từ 92% trở lên.

+ Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản trị điều hành, tăng năng suất lao động, kiểm soát rủi ro và tăng hiệu quả hơn nữa công tác quản trị điều hành, phát triển theo chiều sâu, ứng dụng công nghệ và tính kết nối hệ thống trong cung cấp dịch vụ kho, bãi và logistics.

+ Tiếp tục tăng cường tính kết nối với hệ thống trong toàn hệ thống Tổng công ty với mục tiêu đem lại dịch vụ chuỗi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ ICDLB, thông qua đó tối ưu hóa nguồn lực và phát huy tối đa tính cộng hưởng của các công ty trong hệ thống.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (đại diện tổ chức)	Số CP nắm giữ (cá nhân)
Trần Triệu Phú	Chủ tịch HĐQT	8.820.808	120.750
Phan Anh Tuấn	Thành viên	3.754.192	0
Phạm Văn Phòng	Thành viên	0	0
Cao Ngọc Đức	Thành viên	0	7.605

(Tính đến 31/12/2020)

Trong năm có thay đổi: miễn nhiệm ông H

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, HĐQT đã bảo đảm lịch sinh hoạt định kỳ, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT Công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 03/04 cuộc họp thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến (cuộc họp quý 4/2021 vì lý do Covid-19 nên HĐQT không thể thực hiện phiên họp) và thực hiện hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo công tác hoạt động, sản xuất kinh doanh.

STT	Nghị quyết số	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	26/02/2021	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên
2	04/NQ-HĐQT	01/04/2021	Đề cử nhân sự cho chức danh Phó Giám đốc
3	06/NQ-HĐQT	03/06/2021	Thực hiện chi trả cổ tức 2020 theo NQ ĐHĐCĐ thường niên
4	08/NQ-HĐQT	08/06/2021	Ngày đăng ký cuối cùng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản
5	11/NQ-HĐQT	11/06/2021	V/v tổ chức ĐHĐCĐ bất thường và hủy NQ 08/NQ – HĐQT
6	15/NQ-HĐQT	15/07/2021	V/v bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc công ty
7	17/NQ-HĐQT	06/08/2021	V/v hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

+ Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập (ông Cao Ngọc Đức). Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; góp ý định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị.

+ Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

+ Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, HĐQT đã hoạt động và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không phát sinh.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Trưởng ban: Nguyễn Đức Khiêm

- Thành viên: Trần Nghĩa Sĩ

- Thành viên: Thái Hoàng Lam

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, bán niên và năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; kiểm soát doanh thu, chi phí và thẩm tra báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Công ty;

- Thẩm định tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện của Công ty theo đúng quy định;

- Giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán;

- Đề xuất ĐHCĐ phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm;

- Tham gia các phiên họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát để soát xét, thảo luận và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

+ Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng)	Ghi chú
1	Trần Triệu Phú	Chủ tịch HĐQT	897.280.000	Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19
2	Phan Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	691.776.450	Tiền lương, thưởng và các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19
3	Phạm Văn Phòng	Thành viên HĐQT	52.000.000	Thù lao và thưởng
4	Cao Ngọc Đức	Thành viên HĐQT	52.000.000	Thù lao và thưởng

+ Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Khiêm	Trưởng ban	490.382.600	Tiền lương, thưởng và thù lao
2	Trần Nghĩa Sĩ	Thành viên	17.000.000	Thù lao và thưởng
3	Thái Hoàng Lam	Thành viên	17.000.000	Thù lao và thưởng

+ Ban giám đốc:

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập (đồng)	Ghi chú
1	Phan Anh Tuấn	Giám đốc	691.776.450	Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19 Đã báo cáo ở mục thành viên HĐQT
2	Đoàn Thị Hằng	Phó giám đốc	580.097.200	Tiền lương, thưởng và các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19
3	Nguyễn Thành Nhân	Phó giám đốc	187.448.857	Tiền lương, thưởng và các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2021)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Anh Tuấn	Người nội bộ	0	0%	10.000	0,04%	Mua
2	Nguyễn Đức Khiêm	Người nội bộ	23.600	0,10%	600	0,01%	Bán
3	Đoàn Thị Hằng	Người nội bộ	5.000	0,02%	1.790	0,01%	Bán
4	Nguyễn Đức Doanh	Người có liên quan	9.130	0,04%	0	0%	Bán
5	Trần Nghĩa Sĩ	Người nội bộ	63.100	0,26%	0	0%	Bán
6	Trần Nghĩa Sĩ Thoại	Người có liên quan	30.000	0,12%	25.000	0,10%	Bán

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2021)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Trần Nghĩa Sĩ Diện	Người có liên quan	30.000	0,12%	0	0%	Bán
8	Lâm Thị Diễm Trinh	Người có liên quan	62.500	0,25%	52.700	0,21%	Bán
9	Cao Ngọc Đức	Người nội bộ	40.005	0,16%	39.005	0,16%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên	Mối quan hệ với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, mã số doanh nghiệp 0300514849	Cổ đông lớn	722 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	01/01/2021 - 31/12/2021	Hợp đồng cung cấp dịch vụ logistics, xếp dỡ, cơ sở hạ tầng Cổ tức	Hợp đồng nguyên tắc, báo cáo cụ thể trong BTCT năm
2	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý khác, Người phụ trách	Người nội bộ		01/01/2021 - 31/12/2021	Thu nhập tiền lương, tiền công, thù lao, thưởng	Ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm
3	CTCP Tiếp vận Thành Long, mã số doanh nghiệp 3602427771	Công ty con	Số 10 Phan Đăng Lưu, khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà,	01/01/2021 - 31/12/2021	Hợp đồng dịch vụ kho bãi. Cổ tức, lợi nhuận được nhận được từ góp vốn.	

STT	Tên	Mối quan hệ với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
			Tỉnh Đồng Nai			
4	CTCP Đầu tư ICD Tân Long, mã số doanh nghiệp 3603419910	Công ty liên kết	Số 10 Phan Đăng Lưu, khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	01/01/2021 - 31/12/2021	Hợp đồng dịch vụ cho thuê kho. Cổ tức, lợi nhuận được nhận được từ góp vốn.	

Các bên liên quan khác với Công ty (các bên liên kết do Công ty và các bên có mối quan hệ cùng hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn) gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Công Ty TNHH Quản Lý Nợ Và Khai Thác

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: bảo đảm thực hiện quy định quản trị công ty. Công ty đã có lưu ý về công tác ban hành và thực hiện các quy định quản trị áp dụng năm 2020 để rút kinh nghiệm cho việc thực hiện, áp dụng các quy định về quản trị công ty trong năm 2021. Hội đồng quản trị đã thực hiện sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; lập dự thảo sửa đổi bổ sung điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Ban kiểm soát thực hiện sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

+ Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và Công ty con”), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

+ Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao

gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

+ Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ĐVT: đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		317.065.093.696	261.402.477.395
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101.381.643.136	147.227.635.195
1.	Tiền	111		53.881.643.136	81.727.635.195
2.	Các khoản tương đương tiền	112		47.500.000.000	65.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.038.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	53.038.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.608.574.118	113.054.467.595
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.292.026.225	99.734.885.156

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	59.274.055.903	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.480.423.483	14.423.988.179
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.437.931.493)	(1.104.405.740)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.036.876.442	1.120.374.605
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.036.876.442	1.120.374.605
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.101.213.634.598	1.178.086.014.180
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.225.400.000	630.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.225.400.000	630.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		714.989.791.604	774.163.512.636
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	714.132.033.120	773.742.495.137

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.169.276.125.343	1.167.043.705.402
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(455.144.092.223)	(393.301.210.265)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	857.758.484	421.017.499
	<i>Nguyên giá</i>	228		2.872.771.400	1.729.271.400
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.015.012.916)	(1.308.253.901)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	4.735.477.643	20.101.850.936
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.735.477.643	20.101.850.936
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.238.210.000	7.238.210.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	7.238.210.000	7.238.210.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		372.024.755.351	375.952.440.608
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	371.781.971.842	375.702.990.276
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	242.783.509	249.450.332
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.418.278.728.294	1.439.488.491.575

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		946.066.620.239	996.680.803.176
I.	Nợ ngắn hạn	310		292.989.694.647	307.558.633.897
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	133.208.187.341	138.183.053.389
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.943.528	6.696.231
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.522.347.690	9.770.294.639
4.	Phải trả người lao động	314		18.726.765.463	7.476.203.233
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.972.092.091	7.952.619.129
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	3.596.545.728	3.596.545.728
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	52.242.527.756	64.918.304.963
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	70.211.612.230	73.157.430.368
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.497.672.820	2.497.486.217
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		653.076.925.592	689.122.169.279
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	129.163.321.037	132.759.955.529
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	286.021.429.660	258.206.653.810
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	237.892.174.895	298.155.559.940
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		472.212.108.055	442.807.688.399
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	472.212.108.055	442.807.688.399
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.022.450.000	245.022.450.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>245.022.450.000</i>	<i>245.022.450.000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		109.466.339.211	93.986.186.492
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.076.680.005	69.715.198.510
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>15.581.359.648</i>	<i>69.715.198.510</i>
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>66.495.320.357</i>	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.646.638.839	34.083.853.397
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.418.278.728.294	1.439.488.491.575

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	529.893.731.578	455.588.881.893
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		529.893.731.578	455.588.881.893
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	362.441.173.973	297.684.533.498
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		167.452.557.605	157.904.348.395
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.557.375.674	3.893.341.022
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	26.541.845.225	34.297.234.835
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.383.247.723	32.905.321.727
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.833.224.798	2.681.769.294
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	42.871.842.160	39.027.299.414
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.763.021.096	85.791.385.874
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	88.364.757	398.640.795
13.	Chi phí khác	32	VI.8	1.203.306.530	352.418.445
14.	Lợi nhuận khác	40		(1.114.941.773)	46.222.350
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.648.079.323	85.837.608.224
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		18.724.495.292	16.562.502.300
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		6.666.823	6.666.823
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.916.917.208	69.268.439.101
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		71.721.383.613	63.712.957.569
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.195.533.595	5.555.481.532
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.443	2.190

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.443	2.190

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

DVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		95.648.079.323	85.837.608.224
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.10	62.549.640.973	60.923.615.399
-	Các khoản dự phòng	03		333.525.753	428.234.780
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	85.048.602	179.339.224
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.692.240.670)	(2.899.683.289)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.383.247.723	32.905.321.727
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		182.307.301.704	177.374.436.065
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.989.807.417	106.332.994.160
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.969.045.661	(29.354.530.146)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		23.199.260.883	4.094.594.765
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(25.455.521.948)	(32.509.376.538)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(19.416.038.536)	(17.397.980.820)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	19.000.000	10.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(7.557.943.449)	(15.673.378.498)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		173.054.911.732	192.876.758.988

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66.478.346.837)	(48.591.311.051)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(53.038.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.480.822.026	2.779.358.631
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(118.035.524.811)	(45.811.952.420)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.18	12.394.902.266	11.634.086.598
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(75.604.105.449)	(60.688.279.318)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.627.518.280)	(39.285.346.870)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(100.836.721.463)	(88.339.539.590)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(45.817.334.542)	58.725.266.978
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	147.227.635.195	88.769.441.384
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(28.657.517)	(267.073.167)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	101.381.643.136	147.227.635.195

Toàn văn báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: www.icdlongbinh.com (mục quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn